

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1684/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị
- Bà Trần Hoài Thảo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1463/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6287/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thanh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà E Đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đặng Minh K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số nhà E Đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T, ông K có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2025, Bản tự khai ngày 05/02/2026 và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 02/7/2026, bà Mai Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Đặng Minh K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 04/10/2002. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách ông K thay đổi, không còn hỗ trợ, chia sẻ

với bà trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Thời gian qua bà đã cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng không còn gắn bó, suy nghĩ không còn phù hợp nên không có kết quả. Đến nay tình trạng hôn nhân không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông Đặng Minh K

Con chung: có hai con tên Đặng Minh K1, sinh ngày 04/3/2003 và Đặng Gia N, sinh ngày 01/11/2007, các con đã trưởng thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Đặng Minh K, đồng thời triệu tập ông K đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Mai Thị Thanh T được ly hôn ông Đặng Minh K. Các con chung Đặng Minh K1, sinh ngày 04/3/2003 và Đặng Gia N, sinh ngày 01/11/2007 đã trưởng thành. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại phường T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã viết bản tự khai trình bày ý kiến và tham gia phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đặng Minh K vắng mặt nên Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Ngày 21/7/2026, ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn.

Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, bà Mai Thị Thanh T và ông Đặng Minh K có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 04/10/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K đã xảy ra những mâu thuẫn do không còn hòa hợp về tính cách và khác biệt về suy nghĩ, cách sống. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong thời gian dài nên đến nay không thể cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững. Bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông K vắng mặt, không tham gia hòa giải, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà T phù hợp với Bản sao Giấy khai sinh số 45 ngày 31/3/2002 và Bản sao Giấy khai sinh số 279 ngày 06/12/2007 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà T và ông K có hai con chung Đặng Minh K1, sinh ngày 04/3/2003 và Đặng Gia N, sinh ngày 01/11/2007, đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Điều 328; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Thanh T;

Bà Mai Thị Thanh T được ly hôn ông Đặng Minh K.

2. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí: Bà Mai Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0053366 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đã nộp đủ.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi án theo quy định tại các 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014”).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- UBND P. Cầu Ông Lãnh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lữ